



PHỤ LỤC 01

DANH MỤC VẬT TƯ Y TẾ, HÓA CHẤT, SINH PHẨM ĐỂ ĐẦU THẦU NĂM 2024

PHẦN 1: DANH MỤC CÁC VẬT TƯ Y TẾ

(Kèm theo Công văn số 959/TTYT-KD ngày 01/12/2023 của Trung tâm Y tế huyện Hương Sơn)

STT	Tên hàng hóa	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng
<b>Phần 1: Bơm, kim tiêm, dây truyền dịch</b>				
1	Bơm Tiêm Nhựa Cho Ăn 50ml	<ul style="list-style-type: none"><li>- Xy lanh dung tích 60cc được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba vĩa.</li><li>- Bơm có thiết kế có vòng ngón tay cầm giúp cầm chắc chắn, thân xy lanh được chia vạch thể tích theo oz và cc.</li><li>- Đốc xy lanh to lắp vừa dây cho ăn và có nắp đậy.</li><li>- Bơm có vạch chia thể tích tối đa 60ml, vạch chia nhỏ nhất <math>\leq 1</math>ml để tiện sử dụng cho trẻ em</li><li>- Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O).</li><li>- Đạt tiêu chuẩn EN ISO 11135: 2014, EN ISO 13485.</li></ul>	Cái	150
2	Bơm Tiêm Nhựa 10ml	<ul style="list-style-type: none"><li>- Xy lanh dung tích 10ml được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba vĩa. Vạch chia dung tích rõ nét.</li><li>- Có thang chia dung tích hút tối đa đến 12ml, vạch chia nhỏ nhất <math>\leq 0,2</math>ml</li><li>- Pít tông có khóa bẻ gãy để hủy, không có ba vĩa.</li><li>- Kim làm bằng thép không gỉ, sắc nhọn, vát 3 cạnh. Kim các cỡ 23Gx1", 25Gx1". Đốc kim có màu giúp phân biệt cỡ kim theo tiêu chuẩn quốc tế và được gắn chặt với thân kim không gây rò rỉ, an toàn khi sử dụng.</li><li>- Bao bì có miếng giấy thoát khí EO 2,8x2,8 cm để thoát hết dư lượng khí EO trong quá trình tiệt trùng</li><li>- Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O). Đạt tiêu chuẩn CE, TCVN 5903:1995, tiêu chuẩn tiệt trùng EN ISO 11135: 2014, EN ISO 13485.</li></ul>	Cái	200.000



3	Bơm Tiêm Nhựa 1ml	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xy lanh dung tích 1ml được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba vĩa. Vạch chia dung tích rõ nét.</li> <li>- Gioăng có núm bơm hết hành trình giúp tiêm hết thuốc, đạt khoảng chết <math>\leq 0.03\text{ml}</math>, khí và dung dịch tiêm không lọt qua được gioăng.</li> <li>- Kim làm bằng thép không gỉ, sắc nhọn, vát 3 cạnh. Kim 26Gx1/2". Đốc kim có màu giúp phân biệt cỡ kim theo tiêu chuẩn quốc tế và được gắn chặt với thân kim không gây rò rỉ, an toàn khi sử dụng.</li> <li>- Bao bì có miếng giấy thoát khí EO 2,8x2,8 cm để thoát hết dư lượng khí EO trong quá trình tiệt trùng</li> <li>- Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O). Đạt tiêu chuẩn CE, TCVN 5903:1995, tiêu chuẩn tiệt trùng EN ISO 11135: 2014, EN ISO 13485,</li> </ul>	Cái	1.000
4	Bơm tiêm INSULIN	<p>Bơm tiêm dung tích 1ml kèm kim dùng để tiêm insulin, có nắp chụp hình trụ tròn bảo vệ. Nắp chụp làm bằng nhựa y tế. Bơm kèm theo nắp cuối xy lanh được lắp sẵn để ngăn dị vật vào lòng bơm trước và sau khi sử dụng..</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bơm tiêm có 2 loại phù hợp với 2 loại thuốc 40UI và 100UI.</li> <li>- Đầu kim có vát 3 cạnh giúp tiêm sắc nhọn, không có gờ. Thân kim làm bằng thép không gỉ, có đủ độ cứng.</li> <li>- Đốc kim được đúc liền với vỏ xy lanh, thân kim không bị tuột khỏi đốc kim.</li> <li>- Kim tiêm bao gồm các cỡ: 30Gx8mm, 31Gx6mm, 32Gx6mm</li> <li>- Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O).</li> </ul>	Cái	20.000
5	Bơm Tiêm Nhựa 20ml	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xy lanh dung tích 20ml được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba vĩa. Vạch chia dung tích rõ nét.</li> <li>- Pít tông có khóa bẻ gãy để hủy, không có ba vĩa.</li> <li>- Bề mặt gioăng phẳng giúp bơm hết hành trình của thuốc.</li> <li>- Đầu côn lệch tâm giúp cho việc đuổi khí dễ dàng, thuận tiện</li> <li>- Kim làm bằng thép không gỉ, sắc nhọn, vát 3 cạnh. Kim cỡ 23Gx1". Đốc kim có màu giúp phân biệt cỡ kim theo tiêu chuẩn quốc tế và được gắn chặt với thân kim không gây rò rỉ, an toàn khi sử dụng.</li> <li>- Bao bì có miếng giấy thoát khí EO 2,8x2,8 cm để thoát hết dư lượng khí EO trong quá trình tiệt trùng</li> <li>- Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O). Đạt tiêu chuẩn CE, TCVN 5903:1995, tiêu chuẩn tiệt trùng EN ISO 11135: 2014, EN ISO 13485.</li> </ul>	Cái	20.000

6	Bơm Tiêm Nhựa 50ml	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xy lanh dung tích 20ml được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba vĩa. Vạch chia dung tích rõ nét.</li> <li>- Pit tông có khóa bẻ gãy dễ hủy, không có ba vĩa.</li> <li>- Bề mặt gioăng phẳng giúp bơm hết hành trình của thuốc.</li> <li>- Đầu côn lệch tâm giúp cho việc đuổi khí dễ dàng, thuận tiện</li> <li>- Kim làm bằng thép không gỉ, sắc nhọn, vát 3 cạnh. Kim cỡ 23Gx1". Đốc kim có màu giúp phân biệt cỡ kim theo tiêu chuẩn quốc tế và được gắn chặt với thân kim không gây rò rỉ, an toàn khi sử dụng.</li> <li>- Bao bì có miếng giấy thoát khí EO 2,8x2,8 cm để thoát hết dư lượng khí EO trong quá trình tiệt trùng</li> <li>- Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O). Đạt tiêu chuẩn CE, TCVN 5903:1995, tiêu chuẩn tiệt trùng EN ISO 11135: 2014, EN ISO 13485.</li> </ul>	Cái	50
7	Bơm Tiêm Nhựa 5ml	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xy lanh dung tích 5ml, được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba vĩa. Vạch chia dung tích rõ nét.</li> <li>- Có thang chia dung tích hút tối đa đến 6ml</li> <li>- Pit tông có khóa bẻ gãy dễ hủy, không có ba vĩa.</li> <li>- Kim làm bằng thép không gỉ, sắc nhọn, vát 3 cạnh. Kim các cỡ 23Gx1", 25Gx1". Đốc kim có màu giúp phân biệt cỡ kim theo tiêu chuẩn quốc tế và được gắn chặt với thân kim không gây rò rỉ, an toàn khi sử dụng.</li> <li>- Bao bì có miếng giấy thoát khí EO 2,8x2,8 cm để thoát hết dư lượng khí EO trong quá trình tiệt trùng</li> <li>- Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O). Đạt tiêu chuẩn CE, TCVN 5903:1995, tiêu chuẩn tiệt trùng EN ISO 11135: 2014, EN ISO 13485.</li> </ul>	Cái	250.000
8	Bơm Tiêm Điện 50ml	<p style="text-align: center;">Có đầu khóa vặn xoắn Luer Lock</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vật liệu polypropylene</li> <li>- Độ trong suốt cao</li> <li>- Độ tương phản cao</li> <li>- Pit tông dễ dàng rút thể tích tối đa (60ml)</li> <li>- Không có kim tiêm kèm theo</li> <li>- DIN EN 30993</li> <li>- Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485:2016</li> <li>- Chứng nhận EC</li> <li>- Chấp nhận 510k FDA</li> </ul>	Cái	50
9	Kim chích máu	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Được sản xuất từ thép Carbon, đầu mũi kim được vát nhọn với công nghệ sản xuất hiện đại.</li> <li>• Tiệt trùng từng cây.</li> <li>• Quy cách: 200 cây/hộp, 100 hộp/thùng.</li> </ul>	Cái	8.000

10	Kim Lấy Thuốc	<p>Kim cấu tạo thép không gỉ sáng bóng.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đầu kim vát 3 cạnh, sắc nhọn, không gờ, có nắp chụp bảo vệ.</li> <li>- Đường kính, độ dài kim phù hợp với tiêu chuẩn quốc tế. Không bị gãy, không bị cong vênh.</li> <li>- Kim các cỡ. Đốc kim có màu giúp phân biệt cỡ kim theo tiêu chuẩn quốc tế và được gắn chặt với thân kim không gây rò rỉ, an toàn khi sử dụng.</li> <li>- Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O).</li> <li>- Sản phẩm đóng gói trong túi riêng đảm bảo vô trùng.</li> <li>- Đạt tiêu chuẩn CE</li> </ul>	Cái	50.000
11	Kim Bướm Các Số	<p>Bộ kim cánh bướm, cỡ 23G, 25G. Dây dẫn bằng chất liệu nhựa nguyên sinh PVC, dài <math>\geq 30</math>cm, đường kính trong 1.5mm, đường kính ngoài 2.5mm, không DEHP. Kim bằng vật liệu thép không gỉ, đầu kim sắc nhọn, vát 3 cạnh, không có gờ, có nắp chụp. Có đầu kết nối Luer lock. Bao bì có miếng giấy thoát khí EO 2,8x2,8 cm để thoát hết dư lượng khí EO trong quá trình tiệt trùng. Đạt tiêu chuẩn CE, tiêu chuẩn tiệt trùng EN ISO 11135: 2014, EN ISO 13485.</p>	Cái	10.000
12	Kim luồn tĩnh mạch an toàn các số người lớn	<p>Kim luồn tĩnh mạch chất liệu FEP, có 3 vạch cản quang ở thân catheter, có cánh và có cửa bơm thuốc có đầu bảo vệ an toàn bằng nhựa vuông, có khả năng lưu kim được đến 96h. Được tiệt trùng bằng công nghệ EO. Màng kỹ nước chống máu tràn ra. Thân catheter không chứa kim loại, sử dụng được trong phòng MRI. Không sử dụng keo gắn kết thân catheter vào đốc nhựa. Đạt tiêu chuẩn UNI EN ISO 14001:2015 (ISO 14001:2015). Có bầu tắm lọc xốp ở chuỗi kim cho phép khí đi qua và không cho chất lỏng đi qua. Bầu tắm lọc có thể tháo rời để lấy mẫu máu khi cần. Có nút chặn kim luồn khi không sử dụng tiêm truyền cho bệnh nhân.</p> <p>Các cỡ với các màu khác nhau: 24G x 3/4" (O.D: 0.74 x 19 mm, 29ml/min): màu vàng; 22G x 1" (O.D: 0.9 x 25 mm, 42ml/min): màu nhạt; 20G x 1- 1/4" (O.D: 1,0 x 32 mm, 59ml/min): màu hồng; 18G x 1- 3/4" (O.D: 1,3 x 45 mm, 96ml/min): màu xanh lá cây; 16G x 1- 3/4" (O.D: 1.75 x 45 mm, 225ml/min): màu xám; 14G x 1- 3/4" (O.D: 2.0 x 45 mm, 290ml/min): Màu cam;</p>	Cái	3.000

13	Kim luồn tĩnh mạch an toàn các số trẻ em	<p>Kim luồn tĩnh mạch chất liệu FEP, có 3 vạch căn quang ở thân catheter, có cánh và có cửa bơm thuốc có đầu bảo vệ an toàn bằng nhựa vuông, có khả năng lưu kim được đến 96h. Được tiệt trùng bằng công nghệ EO. Màng kỵ nước chống máu tràn ra..Thân catheter không chứa kim loại, sử dụng được trong phòng MRI.Không sử dụng keo gắn kết thân catheter vào đốc nhựa.Đạt tiêu chuẩn UNI EN ISO 14001:2015 (ISO 14001:2015). Có bầu tắm lọc xốp ở chuỗi kim cho phép khí đi qua và không cho chất lỏng đi qua. Bầu tắm lọc có thể tháo rời để lấy mẫu máu khi cần. có nút chặn kim luồn khi không sử dụng tiêm truyền cho bệnh nhân.</p> <p>Các cỡ với các màu khác nhau: 24G x 3/4" (O.D: 0.74 x 19 mm, 29ml/min): màu vàng; 22G x 1" (O.D: 0.9 x 25 mm, 42ml/min): màu nhạt; 20G x 1- 1/4" (O.D: 1,0 x 32 mm, 59ml/min): màu hồng; 18G x 1- 3/4" (O.D: 1,3 x 45 mm, 96ml/min): màu xanh lá cây; 16G x 1-3/4" (O.D: 1.75 x 45 mm, 225ml/min): màu xám; 14G x 1-3/4" (O.D: 2.0 x 45 mm, 290ml/min): Màu cam;</p>	Cái	3.000
14	Kim chọc dò tủy sống các số	<p>Kim chọc dò, gậy tê tủy sống mặt vát, có cánh cầm để kiểm soát tốt hơn, cho phép sử dụng tiện lợi</p> <p>Mã hóa máy stylet hub theo size cỡ 14G-27G</p> <p>Tiêu chuẩn ISO, CE</p>	Cây	100
15	Kim châm cứu 6 cm	<p>Kim châm cứu dùng để châm cứu (dùng một lần) ; đóng dạng gói hoặc vỉ; kích thước: 0.30x30mm</p>	Chiếc	200.000
16	Kim châm cứu 5cm	<p>Kim châm cứu dùng để châm cứu (dùng một lần) ; đóng dạng gói hoặc vỉ; kích thước: 0.30x25mm</p>	Chiếc	200.000
17	Kim châm cứu các số	<p>Kim châm cứu dùng để châm cứu(dùng một lần); đóng dạng vỉ/gói; Kích thước: 0.25*13mm</p>	Chiếc	100.000
18	Bộ Dây Chuyển Dịch	<p>Van khoá điều chỉnh, kim chai sản xuất từ hạt nhựa ABS nguyên sinh.</p> <p>Van thoát khí có thiết kế màng lọc khí vô khuẩn.</p> <p>Buồng nhỏ giọt thể tích <math>\geq 14</math>ml, có màng lọc dịch <math>\leq 15\mu\text{m}</math>.</p> <p>Có bầu cao su hoặc công chữ Y tiếp thuốc.</p> <p>Dây dẫn cấu tạo từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh, mềm dẻo, dai, độ đàn hồi cao, không gãy gập khi bảo quản và sử dụng; Độ dài dây truyền <math>\geq 1700</math>mm.</p> <p>Bao bì có miếng giấy thoát khí EO 3,5x3,5 cm để thoát hết dư lượng khí EO trong quá trình tiệt trùng.</p> <p>Dây truyền dịch kèm kim hai cánh bướm 23Gx3/4".</p> <p>Đầu nối Luer lock có cơ chế xoay giúp cho việc gắn kết với kim luồn chắc chắn và dễ thao tác khi sử dụng.</p> <p>Đạt tiêu chuẩn CE : TCVN 6591-4: 2008; tiêu chuẩn tiệt trùng EN ISO 11135: 2014, EN ISO 13485</p>	Bộ	30.000

19	Bộ Dây Truyền Dịch Có Kim Bướm	<p>Bộ phận điều chỉnh dòng chảy làm từ nhựa nguyên sinh ABS đạt tiêu chuẩn, gồm máng có thiết kế thêm kẹp khe giữ dây và con lăn di chuyển dễ dàng, kim chai nguyên liệu từ nhựa ABS nguyên sinh; Có màng lọc khí vô khuẩn ở van thoát khí; Buồng nhỏ giọt thiết kế kèm màng lọc dịch, thể tích <math>\geq 14\text{ml}</math>. Có bầu cao su tiếp thuốc. Dây dẫn nguyên liệu từ chất liệu nhựa PVC, đảm bảo không gây gập; Độ dài dây dẫn <math>\geq 1500\text{mm}</math>. Dây truyền dịch kèm kim 2 cánh bướm 23Gx3/4" giúp cố định dễ dàng chắc chắn.</p> <p>Đầu nối Luer lock có cơ chế xoay.</p> <p>Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O)</p> <p>Đạt tiêu chuẩn TCVN 6591-4: 2008 ; CE</p>	Bộ	50.000
20	Bộ dây truyền dịch cho máy truyền dịch tự động INTRAFIX SAFESSET	<p>Chất liệu PVC, sản phẩm giữ vững hình dạng ngay cả khi nhiệt độ thay đổi. Không chứa Latex, DEHP. Loại 20 giọt/ 1mL, kích thước lỗ lọc <math>40\mu\text{m}</math>, chiều dài dây 213 cm. Loại dây chuyên dùng cho máy truyền dịch có đường kính ống đồng đều, bền, thiết kế với độ dẻo và cứng chắc vừa đủ.</p>	Bộ	100
21	Dây chuyên máu	<p>Sản xuất theo công nghệ Teruflex (Công nghệ chuyên dụng cho sản xuất túi máu). Dây dài 180cm, màng lọc siêu nhỏ với kích thước lỗ lọc từ 175- 210<math>\mu\text{m}</math>. Tốc độ dòng chảy: 20 giọt/mL. Không chứa chất độc hại (nontoxic), không chứa chất gây sốt (non pyrogenic), khóa hãm bằng nhựa trong dễ quan sát. Chất liệu dây: Vinyl Chloride, có kim truyền không cánh cỡ 18G, thành mỏng, phủ silicon, đốc kim trong suốt. Tiệt trùng bằng khí EO.</p>	Cái	50
22	Dây nối bơm tiêm điện	<p>Mềm dẻo, trong suốt, chống xoắn.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đường kính trong: 0.9 mm. Đường kính ngoài: 1.9mm</li> <li>- Thể tích mỗi dịch 0.6 ml</li> <li>- Tốc độ 0,9ml/m : áp lực 2 bar</li> <li>- Đầu nối Luer Lock, có khóa dừng</li> </ul> <p>- Chất liệu PVC, Không có chất phụ gia DEHP , thay thế bằng DEHT an toàn</p> <p>- Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485:2016</p> <p>- Chứng nhận EC</p>	Cái	50

23	Khóa 3 chạc không dây	<p>Chống nứt gãy, rò rỉ khi truyền với nhu dịch béo hay các loại thuốc</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kết nối dễ dàng và nhanh chóng với kim luồn tĩnh mạch ngoại biên hay trung tâm, hay một hệ thống truyền tĩnh mạch</li> <li>- Thể tích mỗi 0.26ml</li> <li>- Chịu áp lực dưới 2 bar</li> <li>- Thời gian sử dụng 96h</li> <li>- Vật liệu polyamide</li> </ul> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có chứng nhận EN ISO 13485:2016</li> <li>- Chứng nhận EC</li> </ul>	Cái	50
<b>Phần 2: Găng tay và vật tư y tế sử dụng trong điều trị</b>				
24	Găng tay khám không bột	<p>Sản xuất từ cao su thiên nhiên, không bột, nếu có lượng bột không quá &lt;2mg/găng theo quy định của ASTM (Mỹ), không gây kích ứng da, có cỡ S và M. Thuận cho cả tay trái và tay phải, dài 240mm. Độ dày tối thiểu 1 lớp: Vùng ngón tay: 0,11 mm đến 0,13mm, Lòng bàn tay: 0.10 mm đến 0,12mm. Lực kéo đứt tối thiểu: Trước già hóa: ≥7,0 N; Sau già hóa: ≥ 6,0 N. Độ giãn dài tối thiểu khi đứt : Trước già hóa: 650%; Sau già hóa: 500%. Hàm lượng Protein dưới 200 µg/dm<sup>2</sup>. TCCL : ISO 13485, FDA</p>	Đôi	10.000
25	Găng tay y tế có bột	<p>Găng tay cao su tự nhiên, có bột dùng trong thăm khám; Chất liệu mũ cao su tự nhiên, Găng có bề mặt nhám hoặc trơn nhẵn, thuận cả hai tay; Màu sắc : Trắng; Kích cỡ : XS/S/M/L/XL; Cân nặng (gram)(+/-0.2): lần lượt theo các cỡ 5.2; 5.6; 6.0; 6.4; 6.8; Chiều dài : 240mm ±5; Độ dày (mm) : ≥0.09 (lòng bàn tay), ≥ 0.11 ( đầu ngón tay); Lực kéo đứt trước lão hóa : tối thiểu 20MPa; Lực kéo đứt sau lão hóa : tối thiểu 16MPa; Độ dẫn dài khi đứt trước lão hóa : tối thiểu 700%; Độ dẫn dài khi đứt sau lão hóa : tối thiểu 600%; Hàm lượng bột : Tối đa 10 mg/dm<sup>2</sup>; Hàm lượng Protein hòa tan : Tối đa 100 µg/dm<sup>2</sup>; Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016; ISO 10993; CE MDR 2017/745; GMP FDA</p>	Đôi	30.000
26	Găng Tay Thường	<p>Sản xuất từ latex cao su thiên nhiên, màu trắng tự nhiên của cao su, phủ bột ngô chống dính, mềm mại, độ bền cao, chưa tiệt trùng, có thể hấp được ở nhiệt độ lên đến 110°C, sử dụng một lần, thuận cả 2 tay</p> <p>a. Kích thước:- Bề dày: min 0,1mm; - Chiều dài min: 240mm; -Chiều rộng lòng bàn tay: Size S: 89±5mm; Size M: 95±5mm</p> <p>b. Cơ lý tính:- Lực kéo đứt; + Trước lão hóa: &gt; 7,0N; + Sau lão hóa: &gt; 6,0N; - Độ giãn dài khi đứt:+Trước lão hóa: &gt; 650%; + Sau lão hóa: &gt; 550%</p> <p>c. Lỗ thủng: AQL 1.5</p>	Đôi	60.000

27	Găng Tay Dài (Khám Sản)	Làm bằng mủ cao su latex thiên nhiên, Có phủ bột chống dính đạt tiêu chuẩn Dược điển Mỹ hoặc tương đương, không gây kích ứng da; khuôn cong theo bàn tay - chống mỏi tay, Lượng bột: < 15 mg /dm <sup>2</sup> ; Lượng protein: < 200 µg/dm <sup>2</sup> Đạt tiêu chuẩn ISO 13485: 2016 hoặc tương đương ;.Lỗ thủng: AQL: 1.5, Các số 7; 7,5	Đôi	200
28	Găng Tay phẫu thuật tiệt trùng các số	Chất liệu và đặc tính : Mủ cao su tự nhiên. Nhám lòng bàn tay và ngón tay. Có phân biệt tay trái/phải, cổ tay có se viền, có phủ bột chuẩn dược điển (USP); Tiệt trùng; Bao gói đạt chuẩn y tế ISO 11607, không có thành phần gây độc hại theo chuẩn châu Âu REACH 1907/2006 hoặc tương đương. Có hiển thị phân biệt tiệt trùng bằng màu cân quang. Phần miệng túi thiết kế theo kiểu “peel down“ thuận tiện cho người sử dụng, sản phẩm được kiểm tra 100% trước khi đóng gói. Màu sắc : Trắng. Kích cỡ : 6.5/7.0/7.5/8.0; Cân nặng (gram)(+/-0.2): lần lượt cho các cỡ: 8.5gr; 9.0gr; 9.5g; 10.0gr; Chiều dài : tối thiểu 270mm; Độ dày (mm): ≥0.14 ( lòng bàn tay), ≥ 0.16 ( đầu ngón tay); Lực kéo đứt trước lão hóa : Tối thiểu 26MPa; Lực kéo đứt sau lão hóa : Tối thiểu 20 MPa; Độ giãn dài khi đứt trước lão hóa : 750%; Độ giãn dài khi đứt sau lão hóa : 560%; Hàm lượng bột : Tối đa 10 mg/dm <sup>2</sup> ; Hàm lượng Protein hòa tan : Tối đa 100 µg/dm <sup>2</sup> ; Hàm lượng tồn dư EO<1mg/sản phẩm; Hàm lượng tồn dư ECH < 1mg/sản phẩm; Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016;; GMP FDA; Tương thích sinh học theo 10993-1-7-10-11-23	Đôi	50.000
<b>Phần 3: CHỈ, ỐNG THÔNG, ỐNG DẪN LƯU, ỐNG NÓI, DÂY NÓI, CHẠC NÓI, CATHETER</b>				
29	Túi máu đơn 350mL	Túi được thiết kế phù hợp để chứa và bảo quản máu toàn phần. Túi chứa sẵn khối dung dịch chống đông máu CPDA-1 bảo quản hồng cầu tới 35 ngày trong dải nhiệt độ từ 2 – 6 oC - Dung tích chứa 350ml máu toàn phần, túi chứa sẵn 49mL dung dịch chống đông và bảo quản CPDA-1	Cái	50
30	Ống đặt nội khí quản, có bóng, tiệt trùng các cỡ	Được làm từ nhựa PVC không độc hại, trong suốt, mềm mịn; - Có sẵn loại không chứa DEHP; - Có bóng chèn; Có mắt Murphy; - Đường mờ đục tia X dọc ống. Bóng chèn áp lực thấp thể tích cao và bóng chèn áp lực thấp tiêu chuẩn (thích hợp cho đặt nội khí quản hoạt động ngắn hạn) đều có sẵn. - Kích cỡ: 2,5mm - 10,0mm - Đóng gói: Túi blister riêng biệt (Có sẵn loại hình chữ nhật và hình bán nguyệt)	Cái	1.000



31	Sonde foley các số	<p>Không chứa DEHP gây ung thư.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sản xuất từ 100% cao su tự nhiên ,Phủ Silicon</li> <li>- Có bóng dung tích 5cc-30cc, bóng căng đều.</li> <li>- Lỗ thông tiêu tiêu lớn và trơn</li> <li>- Tráng silicon trong lòng ống</li> <li>- Tiệt trùng bằng phóng xạ Gamma hoặc khí ETO</li> </ul>	Cái	1.000
32	Sonde Foley 3 Nhánh Các Số	<p>Được làm từ cao su tự nhiên, Phủ Silicone</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Van nhựa hoặc van cao su đều có sẵn</li> <li>- Được sử dụng cho thông tiêu lâm sàng, tiêm và dẫn lưu.</li> <li>- Dài: 400mm</li> <li>- Kích cỡ: Fr16-Fr26</li> <li>- Dung tích bóng: 30cc</li> <li>- Đóng gói: Túi blister, 10 chiếc/hộp</li> <li>- Khử trùng: EO</li> </ul>	Cái	100
33	Sonde Nelaton	<p>Dùng dẫn lưu nước tiểu một lần cho bệnh nhân</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>* Được làm từ nhựa PVC y tế không độc hại, không gây kích ứng, phthalate free. Có đường cân quang dọc thân ống.</li> <li>* Đầu xa với lỗ bên và đầu gần có co nối dạng phễu, để thoát nước tối đa và dễ dàng kết nối với túi đựng nước tiểu</li> <li>* Đầu nối mã hóa màu theo các size 6,8,10,12,14,16,18,20FG với 2 kích thước chiều dài 400mm, 200mm</li> <li>* Vô trùng EO, đóng gói riêng lẻ.</li> <li>* Tiêu chuẩn ISO, CE</li> </ul>	Cái	1.000
34	Sonde niệu quản (sonde JJ)	<p>Cấu hình gồm: 01 ống xông, 01 kẹp; 01 que đẩy.</p> <p>Thông số: Ống thông dùng cho niệu quản làm chất liệu Polyurethane, đường kính 4-8Fr, dài 16-30cm</p>	Cái	200

35	Sonde dạ dày	<p>Làm từ chất liệu nhựa PVC không độc hại, không gây kích ứng da.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Không chứa chất DEHP.</li> <li>- Có chia độ.</li> <li>- Đánh mã màu để phân biệt cỡ</li> <li>- Có hoặc không có tia X.</li> <li>- Kích thước: Chiều dài dây tiêu chuẩn: 120cm</li> <li>- Khử trùng: EO</li> <li>- Cỡ: Fr6-Fr26</li> <li>- Đóng gói: Túi Blister/ Túi PE</li> </ul>	Cái	500
36	Ống hút nhót không có nắp các số	<p>Các số 5-6-8-10-12-14-16-18. Sản phẩm được kết cấu 02 phần. Khóa van và dây dẫn. Dây dẫn được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh không chứa DEHP, nhựa trong, nhẵn bóng tránh gây tổn thương, xây xước niêm mạc, đầu dây hút có 2 mắt phụ để hút. Khóa van chia nhiều màu để phân biệt giữa các số, có 2 loại có nắp và không nắp. Bao bì có miếng giấy thoát khí EO 2,8x2,8 cm để thoát hết dư lượng khí EO trong quá trình tiệt trùng. Đạt tiêu chuẩn CE, tiêu chuẩn tiệt trùng EN ISO 11135: 2014, EN ISO 13485.</p>	Cái	1.500
37	Dây thở oxy 2 nhánh	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu nhựa PVC y tế cao cấp, bao gồm dây dẫn và gọng mũi</li> <li>- Không chứa chất DEHP, được tiệt trùng bằng khí EO</li> <li>- Ống dây mềm, chống vặn xoắn. Bề mặt trơn nhẵn.</li> <li>- Ống không bị tác động bởi oxy hay thuốc</li> <li>- Đầu thở mềm, có 2 ống thẳng đưa vào mũi màu trắng trong, không có chất tạo màu</li> <li>- Các cỡ: trẻ sơ sinh, trẻ em và người lớn</li> <li>- Dây dẫn có chiều dài <math>\geq 2</math> m, lòng ống có khóa chống gập.</li> <li>- Đóng gói 1 cái/ túi và tiệt trùng bằng khí EO</li> <li>- Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485.</li> </ul>	Cái	2.000
38	Chỉ nylon không tiêu số 10/0	<p>Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Polyamid 6/66, số 10/0, dài 30cm, kim Easyslide độ nhám bề mặt nhỏ hơn 0.4Ra, phủ silicon. Đóng gói 2 lớp: Tiêu chuẩn CE,</p>	Liếp	200
39	Chỉ nylon không tiêu số 3/0	<p>Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Polyamid 6/66, số 3/0, dài 75cm, kim Easyslide độ nhám bề mặt nhỏ hơn 0.4Ra, hình tam giác, cong 3/8 vòng tròn DS 24mm, làm bằng thép không gỉ AISI 300 series (304) phủ silicon. Đóng gói 2 lớp: Tiêu chuẩn CE</p>	Sợi	200

40	Chỉ nylon không tiêu số 4/0	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Polyamid 6/66, số 4/0, dài 75cm, kim Easyslide độ nhám bề mặt nhỏ hơn 0.4Ra, hình tam giác, cong 3/8 vòng tròn DS 19mm, làm bằng thép không gỉ AISI 300 series (304) phủ silicon. Đóng gói 2 lớp: Tiêu chuẩn CE	Sợi	200
41	Chỉ nylon không tiêu số 5/0	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Polyamid 6/66, số 5/0, dài 75cm, kim Easyslide độ nhám bề mặt nhỏ hơn 0.4Ra hình tam giác, cong 3/8 vòng tròn DS 16mm, làm bằng thép không gỉ AISI 300 series (304) phủ silicon. Đóng gói 2 lớp: Tiêu chuẩn CE	Sợi	100
42	Chỉ polypropylen không tiêu số 2/0	Polypropylene 2/0, dài 90cm, 2 kim tròn 25mm, 1/2 vòng tròn. Kim bằng thép không gỉ 301, bọc Silicon. Độ bền kéo nút thắt hơn 20-50% so với USP. Lực tách kim và chỉ cao hơn 20-60% so với USP. Đóng gói bằng tyvek- polyethylene. Tiêu chuẩn CE- Châu Âu. Phân phối độc quyền.	Tép	200
43	Chỉ polypropylen không tiêu số 5/0	Polypropylene 5/0, dài 75cm, 2 kim tròn 13mm, 3/8 vòng tròn. Kim bằng thép không gỉ 301 bọc Silicon. Lực kéo tại nút thắt hơn 20-50% so với USP. Lực tách kim và chỉ cao hơn 20-60% so với USP. Đóng gói bằng tyvek- polyethylene.	Sợi	200
44	Chỉ tiêu tự nhiên số 1	Chỉ tan chậm tự nhiên số 1, dài 75 cm, kim tròn 1/2c, dài 40 mm. Đóng gói bằng giấy Tyvek 100% sợi HDPE hoặc tương đương bền dai, chống rách, ngăn khuẩn hiệu quả. Chỉ làm từ collagen tinh khiết), sợi chắc, dễ uốn. Kim thép 302 hoặc tương đương phủ silicon XtraCoat. Tiêu chuẩn chất lượng ISO13485:2016 hoặc tương đương	Sợi	3.000
45	Chỉ tiêu tự nhiên số 3/0	Chỉ tan chậm tự nhiên số 3/0, dài 75 cm, kim tròn 1/2c, dài 26 mm. Đóng gói bằng giấy Tyvek 100% sợi HDPE hoặc tương đương bền dai, chống rách, ngăn khuẩn hiệu quả. Chỉ làm từ collagen tinh khiết, sợi chắc, dễ uốn. Kim thép 302 hoặc tương đương phủ silicon XtraCoat. Tiêu chuẩn chất lượng ISO13485:2016 hoặc tương đương	Sợi	200
46	Chỉ polypropylen không tiêu số 5/0	Polypropylene 5/0, dài 75cm, 2 kim tròn 13mm, 3/8 vòng tròn. Kim bằng thép không gỉ 301 bọc Silicon. Lực kéo tại nút thắt hơn 20-50% so với USP. Lực tách kim và chỉ cao hơn 20-60% so với USP. Đóng gói bằng tyvek- polyethylene.	Sợi	200
47	Chỉ thép các cỡ	-Đường kính từ 0.4mm đến 1.5mm - chiều dài 10m/cuộn; - Đạt chất lượng ISO 13485 và EC; chất liệu thép không gỉ, tiêu chuẩn ASTM F138 (62.8% Fe; 17.52% Cr; 14.27% Ni)	Cuộn	5
<b>Phần 4: ĐINH, NẸP, VÍT VÀ VẬT TƯ HỖ TRỢ ĐIỀU TRỊ</b>				

48	Bộ vật tư đầy đủ làm tán sỏi thận qua da bao gồm: Bộ nong thận 5 que, que nong thận kèm vỏ 18Fr, Kim chọc dò, Guide wire cứng đầu cong J 80cm, Dẫn lưu.	<p style="text-align: center;">Cấu hình:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bộ nong thận tiêu chuẩn cho PCNL (gồm 5 cỡ)</li> <li>- Que nong thận kèm vỏ cỡ 18F (1 bộ) <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kim chọc dò thận (1 cái)</li> <li>- Dây dẫn đường đầu cong (1 cái)</li> </ul> </li> <li>- Catheter dẫn lưu thận có bóng (1 cái)</li> </ul> <p style="text-align: center;">Thông số kỹ thuật</p> <p style="text-align: center;">1 Bộ nong thận</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Gồm 5 cỡ: 8F; 10F; 12F; 14F; 16F; - Chiều dài que nong: 19,5 cm. <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vật liệu: PE</li> </ul> </li> <li>- Trên que nong có đánh dấu chia khoảng cách và cỡ kích cỡ</li> </ul> <p style="text-align: center;">2. Cây nong thận kèm vỏ cỡ 18F</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cỡ: 18F; - Chiều dài que nong: 19,5 cm; - Chiều dài vỏ: 18 cm. <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vỏ bọc có thể bóc tách được làm đôi sau khi sử dụng.</li> <li>- Vật liệu được làm bằng PTFE</li> </ul> </li> <li>- Trên que nong có đánh dấu chia khoảng cách và cỡ kích cỡ</li> </ul> <p style="text-align: center;">3. Kim chọc dò thận</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích cỡ: 18G; - Chiều dài 20 cm; - Đầu kim đa giác.</li> <li>- Vỏ ngoài của kim có đánh dấu chia khoảng cách.</li> <li>- Vật liệu: Thép không gỉ và Polycarbonate.</li> </ul> <p style="text-align: center;">4. Dây dẫn đường</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đường kính: 0.035 inch; - Chiều dài 80 cm; - Đầu dây cong hình chữ J</li> <li>- Vật liệu: Thép không gỉ phủ PTFE</li> </ul> <p style="text-align: center;">5. Catheter dẫn lưu thận có bóng</p>	Bộ	5
49	Dây dẫn đường lên lỗ niệu quản	Dây dẫn với lớp phủ Polyurethane và lớp phủ ưa nước. Quả với bộ chuyển đổi tiêm. Bao bì vô trùng. Thiết lập một con đường vào niệu quản trong các thủ tục nội tiết (nội soi niệu quản, đặt stent niệu quản, giới thiệu một ống thông niệu quản, vv)	Cái	1
50	Dây dẫn hướng, loại thẳng, trơn	Dùng được trên hệ thống tán sỏi Laser -Karl/Storz. Mã GTHS-150-35 hoặc tương đương	Chiếc	1
51	Dây dẫn hướng, loại xoắn	Dùng được trên hệ thống phẫu thuật nội soi Karl/Storz. Mã CKS 150-35 hoặc tương đương.	Chiếc	1
52	Lưỡi dao mổ các số	Lưỡi dao mổ được làm bằng thép carbon không ri, bao gồm các size : 10,11,12,15,20,21,22,23	Cái	3.000

53	Đỉnh nội tủy xương đùi, xương chày có chốt ngang các cỡ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đỉnh xương đùi đặc, đường kính từ 9,10,11,12 dài từ 320 đến 460mm.</li> <li>- Đỉnh xương chày đặc, đường kính từ 8,9,10,11; dài từ 255 đến 420mm</li> <li>- Đồng bộ với vít khóa ngang cùng hãng sản xuất</li> </ul> - Đạt chất lượng ISO 13485 và EC; chất liệu thép không gỉ, tiêu chuẩn ASTM F138 (62.8% Fe; 17.52% Cr; 14.27% Ni)	Cái	30
54	Vít khóa ngang đỉnh nội tủy xương đùi, xương chày $\Phi 4.5\text{mm}$ các cỡ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đường kính 4.5mm, dài từ 20mm đến 75mm</li> </ul> - Đạt chất lượng ISO 13485 và EC; chất liệu thép không gỉ, tiêu chuẩn ASTM F138 (62.8% Fe; 17.52% Cr; 14.27% Ni)	Cái	100
55	Lưới điều trị thoát vị bẹn chất liệu Polyester các cỡ	Lưới điều trị thoát vị bẹn chất liệu Polyester thân nước kích thích mô mọc nhanh. Lưới đơn sợi dệt 3D, trọng lượng nhẹ 64g/m <sup>2</sup> , kích thước lỗ lưới: 2.1mm x 3.0mm. Các cỡ kích thước 15x10cm và 11x6cm. Đạt tiêu chuẩn FDA.	Miếng	15
56	Lưới điều trị thoát vị bẹn chất liệu Polypropylene các cỡ	Lưới điều trị thoát vị Parietene 6x11 cm	Miếng	15
57	Lưới điều trị thoát vị bẹn tự dính chất liệu Polyester dùng trong mổ mở	Lưới điều trị thoát vị bẹn tự dính chất liệu Polyester đơn sợi, có hệ thống gai siêu nhỏ tự dính vào mô chất liệu Polylactic Acid tự tiêu. Trọng lượng lưới nhẹ 38g/m <sup>2</sup> sau khi gai tiêu hết, kích thước lỗ lưới 1.1 x 1.7mm Lưới có hình dạng oval, có miếng lật sẵn theo giải phẫu bẹn (bên trái, bên phải). Kích thước 12x8cm. Đạt tiêu chuẩn FDA hoặc tương đương.	Miếng	15
58	Miếng lưới dùng trong thoát vị bẹn	<ul style="list-style-type: none"> <li>* Lưới điều trị cho các trường hợp thoát vị bẹn, tái tạo thành bụng, cho phẫu thuật thông thường và nội soi.</li> <li>*Lưới được làm từ chất liệu phẫu thuật đơn sợi polypropylene tương thích sinh học, dễ dàng xử lý, vô trùng. Lưới có độ trong suốt cao giúp dễ quan sát mô trong quá trình phẫu thuật.</li> <li>* Độ co giãn tốt, linh hoạt, ít co rút và cho phép cắt theo hình dạng yêu cầu, thiết kế mềm mại với các lỗ đàn hồi. Ít gây ra phản ứng với cơ thể.</li> <li>* Lưới có trọng lượng 90g/m<sup>2</sup> <math>\pm</math> 10%, độ dày lưới từ: 0.54 <math>\pm</math> 10%, kích thước lỗ 1.0-1.5mm</li> <li>* Kích thước (cm): 10x10</li> <li>* Vô trùng. Tiêu chuẩn ISO, CE</li> </ul>	Miếng	15
59	Dụng cụ cấy nối sử dụng trong kỹ thuật cấy trĩ Longo	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có 3 hàng Ghim chứa 48 ghim cao 3,6mm, rộng 3,8mm. Chiều cao ghim đóng từ 0,75 - 1,6mm.</li> <li>- Đường kính ngoài 33,4 mm, đường kính lòng cấy 24 mm.</li> </ul>	Cái	10

60	Rọ lấy sỏi	Tay cầm bằng nhựa, Ống được làm bằng PTFE. Rọ và dây được làm bằng Nitinol. Rọ có hình dạng Helical, Tipless, Flatwire, rọ có 4 dây, kích thước rọ: 3Fr, 4Fr. Chiều dài rọ: 70cm, 90cm, 120cm.	Chiếc	4
61	Rọ lấy sỏi thép không gỉ	- Dùng để lấy sỏi niệu quản, thận - Đường kính 3Fr; 4Fr, chiều dài 90cm, loại 4 dây, tay cầm dễ dàng thao tác không mỏi tay khi sử dụng lâu - Nguyên liệu: Nitinol có khả năng nhớ hình. Loại Lumina	Cái	4
62	Đinh Kirschner 2 đầu nhọn các loại các cỡ	- đường kính từ 0.5mm đến 5.0mm - hai đầu nhọn - Đạt chất lượng ISO 13485 và EC; chất liệu thép không gỉ, tiêu chuẩn ASTM F138 (62.8% Fe; 17.52% Cr; 14.27% Ni)	Cái	20
63	Nẹp mặt	Chất liệu Titanium độ 3 TS-3-2. Tiêu chuẩn ASTM - F 67 hoặc tương đương, màu trắng sáng, độ dày nẹp 1mm dài 4 lỗ giữa ( Bắc cầu dài) có khoảng cách đồng nhất với vít mặt 2.0x4;6;8mm	Cái	5
64	Nẹp mặt	Chất liệu Titanium độ 3. Tiêu chuẩn ASTM - F 67, màu trắng sáng, độ dày nẹp 1 mm, thẳng 4 lỗ, khoảng cách đều giữa các lỗ nẹp đồng nhất với vít mặt 2.0x4;6;8mm Có chứng nhận ISO 13485 và CE; FDA	Cái	5
65	Nẹp mặt	Chất liệu Titanium độ 3 TS-3-2. Tiêu chuẩn ASTM - F 67 hoặc tương đương, màu trắng sáng, độ dày nẹp 1 mm, thẳng 6 lỗ, khoảng cách đều giữa các lỗ nẹp đồng nhất với vít mặt 2.0x4;6;8mm	Cái	10
66	Nẹp khóa nén ép số 1 cho đầu trên xương cánh tay 5 - 8 lỗ	- Nẹp dày 3.0mm; rộng 20.6mm và 12.3mm; khoảng cách lỗ nẹp 12mm; - Số lỗ trên thân nẹp: 5, 6, 7, 8 lỗ; dài từ 85.1mm đến 121.1mm - Đồng bộ với vít khóa cùng hãng sản xuất - Có chứng nhận ISO 13485 và CE; chất liệu thép không gỉ, tiêu chuẩn ASTM F138	Cái	3
67	Nẹp khóa nén ép số 2 cho đầu trên xương cánh tay 4 - 5 lỗ	- Nẹp dày 2.3mm và 3.0mm; rộng 20.2mm và 12.4mm; khoảng cách lỗ nẹp 12.0mm; - Số lỗ trên thân nẹp: 4, 5 lỗ; dài từ 99mm đến 111mm - Đồng bộ với vít khóa cùng hãng sản xuất - Đạt chất lượng ISO 13485 và EC; chất liệu thép không gỉ, tiêu chuẩn ASTM F138 (62.8% Fe; 17.52% Cr; 14.27% Ni)	Cái	3

68	Nẹp khóa titanium bản hẹp các cỡ	<p>- rộng 14mm; dày 4.9mm; chỉ định dùng cho các trường hợp cố định xương gãy ở nhiều vị trí khác nhau: xương cánh tay, xương đùi, xương chày.</p> <p>- Số lỗ: 4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,18,20 dài 76/96/112/130/148/166/184/202/220/238/256/274/292/328/364mm</p> <p>- chất liệu Titan, Ti6Al4V theo tiêu chuẩn ISO 5832-3 ASTM F136 (0,01% Carbon, 4,37% Vanadium; 6,02 Aluminium; 0,18 Fe)</p> <p>- dùng kết hợp với:</p> <p>+ Vít khóa Ø 5.0 mm</p> <p>+ Vít cứng Ø 4.5 mm</p> <p>+ Vít khóa xoắn Ø 5.0mm</p>	Cái	2
69	Nẹp khóa titanium bản rộng các cỡ	<p>- rộng 17.6mm; dày 5.6mm; chỉ định dùng cho các trường hợp gãy xương nhiều vị trí gãy khác nhau: xương cánh tay, xương đùi, xương chày.</p> <p>- Số lỗ: 4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,18,20 dài 78/96/114/132/150/168/186/204/222/240/268/276/284/330/366mm</p> <p>- chất liệu Titan, Ti6Al4V theo tiêu chuẩn ISO 5832-3 ASTM F136 (0,01% Carbon, 4,37% Vanadium; 6,02 Aluminium; 0,18 Fe)</p> <p>- dùng kết hợp với:</p> <p>+ Vít khóa Ø 5.0 mm</p> <p>+ Vít cứng Ø 4.5 mm</p> <p>+ Vít khóa xoắn Ø 5.0 mm</p>	Cái	2
70	Nẹp khóa titanium đầu dưới xương quay các cỡ	<p>- rộng 9mm; dày 2.5mm; chỉ định dùng cho các trường hợp cố định xương gãy vị trí xương quay và các phần xương nhỏ khác.</p> <p>- Số lỗ: 3,4,5,6,7,8,9,10 dài 70/82,5/95/107,5/120/132,5/145/159,5mm</p> <p>- chất liệu Titan, Ti6Al4V theo tiêu chuẩn ISO 5832-3 ASTM F136 (0,01% Carbon, 4,37% Vanadium; 6,02 Aluminium; 0,18 Fe)</p> <p>- dùng kết hợp với:</p> <p>+ vít khóa Ø 2.4 mm</p> <p>+ vít khóa Ø 3.5 mm</p> <p>+ vít cứng Ø 3.5 mm</p> <p>+ Vít khóa xoắn Ø 3.5 mm</p> <p>+ vít xoắn Ø 4.0 mm</p>	Cái	10

ANTH 77

71	Nẹp khóa đầu trên xương đùi số 1	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nẹp dày 3.2mm và 5mm; rộng 33.2mm và 16.3mm; khoảng cách lỗ nẹp 20mm;</li> <li>- Số lỗ trên thân nẹp: 5, 7, 9, 11, 13 lỗ phải; dài từ 156.4/196.4/236.4/276.4/ 316.4mm</li> <li>- Đồng bộ với vít khóa cùng hãng sản xuất</li> <li>- Đạt chất lượng ISO 13485 và EC; chất liệu thép không gỉ, tiêu chuẩn ASTM F138 (62.8% Fe; 17.52% Cr; 14.27% Ni)</li> </ul>	Cái	3
72	Nẹp khóa đầu trên xương chày	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nẹp dày 3.2mm và 4mm; rộng 16.2mm; khoảng cách lỗ nẹp 20mm;</li> <li>- Số lỗ trên thân nẹp: 5, 7, 9, 11, 13 lỗ phải; độ dài từ 143.3mm đến 303.3mm</li> <li>- Đồng bộ với vít khóa cùng hãng sản xuất</li> <li>- Đạt chất lượng ISO 13485 và EC; chất liệu thép không gỉ, tiêu chuẩn ASTM F138 (62.8% Fe; 17.52% Cr; 14.27% Ni)</li> </ul>	Cái	5
73	Nẹp khóa nén ép cho xương đòn	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nẹp dày 3.0mm, rộng 10mm; khoảng cách lỗ 14mm và 11mm</li> <li>- Số lỗ trên thân nẹp: 6, 7, 8, 9 lỗ phải; dài từ 70mm đến 112mm</li> <li>- Đồng bộ với vít khóa cùng hãng sản xuất</li> <li>- Có chứng nhận ISO 13485 và CE; chất liệu thép không gỉ, tiêu chuẩn ASTM F138</li> </ul>	Cái	15
74	Nẹp khóa nén ép cho xương đòn	<ul style="list-style-type: none"> <li>Nẹp dày 3.0mm, rộng 10mm; khoảng cách lỗ 14mm và 11mm</li> <li>- Số lỗ trên thân nẹp: 6, 7, 8, 9 lỗ trái; dài từ 70mm đến 112mm</li> <li>- Đồng bộ với vít khóa cùng hãng sản xuất</li> <li>- Có chứng nhận ISO 13485 và CE; chất liệu thép không gỉ, tiêu chuẩn ASTM F138</li> </ul>	Cái	20
75	Nẹp khóa nén ép số 2 dùng cho thân xương đùi 9 -14 lỗ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nẹp dày 5.0mm; rộng 16mm; khoảng cách lỗ nẹp 18mm;</li> <li>- Số lỗ trên thân nẹp: 9, 10, 11, 12, 14 lỗ; dài từ 151 mm đến 231mm</li> <li>- Đồng bộ với vít khóa cùng hãng sản xuất</li> <li>- Đạt chất lượng ISO 13485 và EC; chất liệu thép không gỉ, tiêu chuẩn ASTM F138 (62.8% Fe; 17.52% Cr; 14.27% Ni)</li> </ul>	Cái	5
76	Nẹp khóa nén nẹp dùng cho 1/3 dưới xương chày số 2, 6 -8-10 lỗ phải	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nẹp dày 2.2mm và 3.0mm; rộng 11.5mm và 22.4mm; khoảng cách lỗ nẹp 12mm;</li> <li>- Số lỗ trên thân nẹp: 6, 8, 10 lỗ phải; dài từ 137.9 đến 185.9mm</li> <li>- Đồng bộ với vít khóa cùng hãng sản xuất</li> <li>- Đạt chất lượng ISO 13485 và EC; chất liệu thép không gỉ, tiêu chuẩn ASTM F138 (62.8% Fe; 17.52% Cr; 14.27% Ni)</li> </ul>	Cái	5



77	Nẹp khóa nén nẹp dùng cho 1/3 dưới xương chày số 2, 6 -8-10 lỗ trái	- Nẹp dày 2.2mm và 3.0mm; rộng 11.5mm và 22.4mm; khoảng cách lỗ nẹp 12mm; - Số lỗ trên thân nẹp: 6, 8, 10 lỗ trái; dài từ 137.9 đến 185.9mm - Đồng bộ với vít khóa cùng hãng sản xuất - Đạt chất lượng ISO 13485 và EC; chất liệu thép không gỉ, tiêu chuẩn ASTM F138 (62.8% Fe; 17.52% Cr; 14.27% Ni)	Cái	5
78	Nẹp lòng máng 1/3, 6 lỗ - 8 lỗ vít 3.5	Số lỗ: 6 lỗ đến 8 lỗ Dài từ 73mm-97mm; Rộng: 10mm; Dày 1mm; Khoảng cách lỗ: 12mm Chất liệu thép không gỉ ASTM F 138 - 92 Grade 2 Đạt tiêu chuẩn ISO	Cái	5
79	Nẹp nén ép động lực bản hẹp xương chày đk 4.5 mm 10-11 lỗ	Số lỗ: 10 lỗ đến 11 lỗ Dài từ 167mm- 183mm; Rộng 12mm; Dày 4mm; Khoảng cách lỗ: 16mm Chất liệu thép không gỉ ASTM F 138 - 92 Grade 2 Đạt tiêu chuẩn ISO	Cái	2
80	Nẹp nén ép động lực bản hẹp xương chày đk 4.5 mm 8 -9 lỗ	Số lỗ: 8 lỗ đến 9 lỗ Dài từ 135mm- 151mm; Rộng 12mm; Dày 4mm; Khoảng cách lỗ: 16mm Chất liệu thép không gỉ ASTM F 138 - 92 Grade 2 Đạt tiêu chuẩn ISO	Cái	2
81	Nẹp nén ép động lực bản rộng xương đùi đk 4.5 mm 8-10 lỗ	Số lỗ: 8 lỗ đến 10 lỗ Dài từ 135 mm- 167mm; Rộng 16mm; Dày 5mm; Khoảng cách lỗ: 16mm Chất liệu thép không gỉ ASTM F 138 - 92 Grade 2 Đạt tiêu chuẩn ISO	Cái	2
82	Nẹp nén ép động lực cẳng tay, cánh tay 6 -7 lỗ, dài 73 mm.	Số lỗ: 6 lỗ đến 7 lỗ Dài từ 73 mm- 85 mm; Rộng 10mm; Dày 2.5mm; Khoảng cách lỗ: 12mm Chất liệu thép không gỉ ASTM F 138 - 92 Grade 2 Đạt tiêu chuẩn ISO	Cái	10
83	Nẹp nén ép động lực cẳng tay, cánh tay 8 lỗ, dài 97 mm.	Số lỗ: 8 lỗ Dài 97 mm; Rộng 10mm; Dày 2.5mm; Khoảng cách lỗ: 12mm Chất liệu thép không gỉ ASTM F 138 - 92 Grade 2 Đạt tiêu chuẩn ISO	Cái	10

84	Nẹp xương hàm mặt, sọ não titan 4 lỗ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nẹp dày 1.0mm, dài 23mm, khoảng cách lỗ vít 3mm, sử dụng vít tự khoan 2.0</li> <li>- Có phủ lớp đặc biệt Titanium Niobium Nitride (TiNbN) màu vàng dày: 1–10 <math>\mu\text{m}</math>, độ nhám <math>\leq 0.05 \mu\text{m}</math>, độ bền dính: HF 1–2, Độ cứng lớp phủ: <math>\sim 2,500 \text{ HV}</math>, Khả năng chống mài mòn cao.</li> <li>- Xuất xứ: Các nước G7</li> </ul>	Cái	10
85	Nẹp xương hàm mặt, sọ não titan 6 lỗ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nẹp dày 1.0mm, dài 35mm, khoảng cách lỗ vít 3mm, sử dụng vít tự khoan 2.0</li> <li>- Có phủ lớp đặc biệt Titanium Niobium Nitride (TiNbN) màu vàng dày: 1–10 <math>\mu\text{m}</math>, độ nhám <math>\leq 0.05 \mu\text{m}</math>, độ bền dính: HF 1–2, Độ cứng lớp phủ: <math>\sim 2,500 \text{ HV}</math>, Khả năng chống mài mòn cao,</li> <li>- Xuất xứ: Các nước G7</li> </ul>	Cái	10
86	Vít mặt 2.0/8mm (màu trắng)	Vít dài 8mm, màu trắng sáng, đầu mũ vít chữ thập, chất liệu hợp kim Titanium Ti-6Al-4V (tiêu chuẩn ASTM-F136), Hỗ trợ tước nơ vít SDH4. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485; CE, FDA	Cái	50
87	Vít xương hàm mặt, sọ não titan 2.0	<p>Loại vít tự khoan 2.0, mũ chữ thập, dài 5-7-9-11mm.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có phủ lớp đặc biệt Titanium Niobium Nitride (TiNbN) màu vàng dày: 1–10 <math>\mu\text{m}</math>, độ nhám <math>\leq 0.05 \mu\text{m}</math>, độ bền dính: HF 1–2, Độ cứng lớp phủ: <math>\sim 2,500 \text{ HV}</math>, Khả năng chống mài mòn cao.</li> <li>Có chứng nhận ISO 13485 và CE</li> </ul>	Cái	100
88	Vít khóa titanium 2.4, 2.7, 3.5 các cỡ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- mũ vít khóa bên trong hình ngôi sao 6 cạnh</li> <li>- đường kính ren 2.4mm; dài từ 10mm đến 50mm</li> <li>- đường kính ren 2.7mm; dài từ 10mm đến 60mm</li> <li>- đường kính ren 3.5mm; dài từ 10mm đến 70mm</li> <li>- chất liệu Titan, Ti6Al4V theo tiêu chuẩn ISO 5832-3 ASTM F136 (0,01% Carbon, 4,37% Vanadium; 6,02 Aluminium; 0,18 Fe)</li> </ul>	Cái	50
89	Vít khóa titanium 5.0 các cỡ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- mũ vít khóa bên trong hình ngôi sao 6 cạnh</li> <li>- đường kính ren 5.0mm; dài từ 14mm đến 110mm</li> <li>- chất liệu Titan, Ti6Al4V theo tiêu chuẩn ISO 5832-3 ASTM F136 (0,01% Carbon, 4,37% Vanadium; 6,02 Aluminium; 0,18 Fe)</li> </ul>	Cái	50
90	Vít khóa tự taro ĐK: 5.0 mm, 5.0x18-20-22-24-26-28-30-32-34-36-38-40-42-44-46-48-50-55-60-65-70-75-80-85mm	<ul style="list-style-type: none"> <li>- kiểu vít tự taro;</li> <li>- đường kính ren 5.0mm; đường kính mũ vít lục giác 6.8mm;</li> <li>- chiều dài từ 14mm đến 50mm; mỗi cỡ tăng 2mm; từ 50mm đến 90mm; mỗi cỡ tăng 5mm</li> <li>- Đạt chất lượng ISO 13485 và EC; chất liệu thép không gỉ, tiêu chuẩn ASTM F138 (62.8% Fe; 17.52% Cr; 14.27% Ni)</li> </ul>	Cái	50

91	Vít khóa tự taro đường kính 3.5mm, 3.5x10-12-14-16-18-20-22-24-26-28-30-35-40-45 mm	- Kiểu vít tự taro - đường kính ren 3.5mm; đường kính mũ vít lục giác 5.5mm - chiều dài từ 10mm đến 50mm; mỗi cỡ tăng 2mm; từ 50mm đến 60mm; mỗi cỡ tăng 5mm - Đạt chất lượng ISO 13485 và EC; chất liệu thép không gỉ, tiêu chuẩn ASTM F138 (62.8% Fe; 17.52% Cr; 14.27% Ni)	Cái	50
92	Vít mắt cá chân dk 4.5/ 30 mm- 60mm	- đường kính ren 4.5mm; ren ngắn, đường kính mũ vít 7.9mm; mũi tô vít 3.5mm - chiều dài từ 25-70mm; mỗi cỡ tăng 5mm - Đạt chất lượng ISO 13485 và EC; chất liệu thép không gỉ, tiêu chuẩn ASTM F138 (62.8% Fe; 17.52% Cr; 14.27% Ni)	Cái	10
93	Vít xương cứng dk 3.5/ 16mm đến 40 mm	Vít cứng 3.5, dài 10mm đến 50mm - đường kính ren 3.5mm; đường kính mũ vít lục giác 5.9mm; bước ren 1.25.mm, mũi tô vít 2.5mm; Chất liệu thép không gỉ ASTM F 138 - 92 Grade 2 Đạt tiêu chuẩn ISO	Cái	200
94	Vít xương cứng dk 4,5/ 18mm đến 50 mm	Vít cứng 4.5, dài 12mm đến 74mm - đường kính ren 4.5mm; đường kính mũ vít 7.9mm; mũi tô vít 3.5mm - chiều dài mỗi cỡ tăng 2mm từ 12 mm đến 74 mm; Chất liệu thép không gỉ ASTM F 138 - 92 Grade 2 Đạt tiêu chuẩn ISO	Cái	100
95	Vít xương xốp dk 6.5 dài 32 mm đến 90 mm	Vít xương xốp 6.5mm dài 35mm đến 110mm, ren 32mm Chất liệu thép không gỉ ASTM F 138 - 92 Grade 2 Đạt tiêu chuẩn ISO	Cái	100
<b>Phần 5: Nhóm vật tư khác</b>				
96	Túi camera nội soi vô trùng (1 cái/gói)	Nylon PE màu trắng - ISO 13485:2016; ISO 9001:2015; FDA; cGMP	Cái	400
97	Clip mạch máu, chất liệu polymer, các cỡ	Clip kẹp mạch máu titan Horizon cỡ L. Clip hình chữ V, rãnh được thiết kế hình trái tim	Cái	400

98	Que đê lưỡi gỗ	<p>Thành phần cấu tạo:</p> <p>- Que đê lưỡi gỗ: Gỗ tự nhiên, thớ mịn, đồng nhất, không lõi, không cong vênh. Gỗ được hấp chín trước khi đưa vào sản xuất và sấy khô, đánh bóng khi ra thành phẩm nên đạt độ cứng, nhẵn cao, an toàn trong sử dụng.</p> <p>- Kích thước: 150mm x 20mm x 2mm.</p> <p>- Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O)</p>	Cái	1.000
99	Bóng bóp giúp thở 100% Silicon	<p>Bóng bóp giúp thở sử dụng trong các tình huống khẩn cấp để cung cấp thông khí phổi</p> <p>Vật liệu silicone, dùng nhiều lần</p> <p>Bóng bóp người lớn (&gt;30kg) thể tích 1800ml/ thể tích bóp 1060ml/ thể tích túi trữ khí 2700ml. Trờ kháng hít/vào thở ra 2.0cmH<sub>2</sub>O/4.0cmH<sub>2</sub>O, khoảng chết &lt;7.0ml, Giảm áp (tùy chọn) 40 hoặc 60cmH<sub>2</sub>O.</p> <p>* Bộ bao gồm: Bóng bóp, mask gây mê, túi dự trữ khí, dây oxy.</p> <p>* Tiêu chuẩn ISO/CE</p>	Bộ	2
100	Bóp bóng giúp thở (Ambu)	<p>Công dụng: Dùng để hồi sức bệnh nhân bị ngưng thở. Sử dụng một lần để loại bỏ khả năng nhiễm khuẩn chéo. Được trang bị một van hạn chế áp suất cho sự an toàn của bệnh nhân. Bề mặt kết cấu của sản phẩm đảm bảo tiêu chuẩn và cung cấp thông gió hiệu quả. Được sản xuất từ nhựa PVC.</p>	Cái	5
101	Lọc đo chức năng hô hấp	<p>Lọc đo chức năng hô hấp đầu ngậm elip. Vật liệu Antişok màu trắng đục. đường kính trong 30mm, đường kính ngoài 33mm. Tiêu chuẩn ISO, CE</p>	Cái	100
102	Đầu côn vàng	Đầu côn vàng hút và đựng mẫu bệnh phẩm	Cái	5.000
103	Đầu côn xanh	Đầu côn xanh hút mẫu	Cái	2.000
104	Vật tư dùng cho máy xét nghiệm	<p>Cóng đựng mẫu bệnh phẩm Testing cuvette</p> <p>Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485:2016</p>	Chiếc	6.000
105	Micron centrifuge tube	<p>Ống ly tâm dung tích nhỏ 1,5ml, chia độ, đáy hình nón.</p> <p>Lực gia tốc (RCF): 30000 x gam</p> <p>Có thể hấp tiệt trùng</p> <p>Vật liệu polypropolyne USP VI</p> <p>Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485:2016</p>	Túi	10

**Tổng cộng: 105 mặt hàng**